

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thành Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Nguyễn Thị Bích Thủy

Bà: Trương Thị Thìn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trịnh Viết Duyệt

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Sỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 144/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 236/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Giang B (tên gọi khác: Cò B); sinh ngày: 06/9/1987 tại Đồng Nai; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 80/7B, khu phố 5A, phường B, TP. H, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: 80/7B, khu phố 5A, phường B, TP. H, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn B, sinh năm: 1957 và bà Võ Thị Tuyết Minh S, sinh năm: 1963; có vợ là Mai Thị Bích H, sinh năm: 1991; có 04 con, con nhỏ nhất sinh năm: 2015, con lớn nhất sinh năm: 2012; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 31/3/2016 bị Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; bị bắt ngày 14 tháng 01 năm 2019, hiện đang được tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an TP. Biên Hòa; có mặt.

2. Đỗ Quốc H; sinh ngày: 21/8/1988 tại Đồng Nai; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: A203, tổ 4, khu phố 1, phường B, TP. H, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: A203, tổ 4, khu phố 1, phường B, TP. H, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 07/12; con ông Đỗ Quang S, sinh năm: 1955 và bà Bùi Thị K, sinh năm: 1957; chưa có vợ, con; tiền án:

+ Ngày 20/5/2007 bị Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 (tám) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

+ Ngày 25/10/2007 bị Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Tiền sự: không; bị bắt ngày 06 tháng 10 năm 2018, hiện đang được tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an TP. Biên Hòa; có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Hồng Tuyết M, sinh năm: 1999;

Địa chỉ: phường L, TP. H, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Bích Tr, sinh năm: 1997;

Địa chỉ: xã H, huyện K, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

3. Chị Lý Thị Ngọc K, sinh ngày: 21/6/2000;

Địa chỉ: xã H, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 30/9/2018, Phạm Giang B cùng với Long, Nhân và Bảo (chưa rõ nhân thân, lai lịch) cùng đến hát karaoke tại quán Honey thuộc phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa. Nhân nhờ chị Nguyễn Thị Cẩm T (quản lý tiếp viên tự do) gọi một số tiếp viên đến quán để hát và phục vụ rót bia, gồm: Hồng Tuyết M, Nguyễn Thị Bích Tr, Lý Thị Ngọc K, Trần Thị Th và Phạm Thu H.

Đến khoảng 03 giờ ngày 01/10/2018 thì cả nhóm nghỉ hát để đi về. Các chị H, K, Th và Tr thuê một chiếc taxi đi chung, còn chị M đi riêng. Khi nhóm tiếp viên đã ra về thì B phát hiện bị mất điện thoại di động. Do nghi ngờ nhóm tiếp viên lấy trộm điện thoại của mình nên B cùng với Long lên xe ô tô Toyota Vios (không rõ biển số, do Long thuê sử dụng) đuổi theo nhóm của chị K kiểm tra nhưng không tìm thấy điện thoại. Lúc này B chuyển sang nghi ngờ chị M là người lấy điện thoại vì chị M là người ngồi cạnh B trong lúc hát karaoke. Tiếp đó, B lên xe taxi đi với nhóm của chị K, còn Long lái xe ô tô cùng quay lại và đến đường Đồng Khởi thì đuổi kịp chị M. Mặc dù chị M khẳng định không lấy điện thoại và mở giỏ xách cho B kiểm tra, nhưng B vẫn giữ chị M lại, đẩy chị M lên xe ô tô của Long rồi cả hai chở chị M đến căn nhà không số ở tổ 3, ấp Vườn Dừa, xã Phước Tân, TP. Biên Hòa (là nhà của một người tên Thủy giao cho B trông coi). Tiếp đó, B gọi điện kêu Đỗ Quốc H đến mở cửa nhà rồi nhốt chị M lại, đồng thời B cũng nhờ H trông coi và mua đồ ăn, nước uống cho chị M.

Đến khoảng 10 giờ ngày 01/10/2018, chị T gọi các chị K, Tr, Th và H cùng đến quán cà phê Thảo Linh tại phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa gặp Nhân, Long, Bảo và H để nói chuyện làm rõ sự việc mất điện thoại. Qua cuộc nói chuyện vẫn chưa xác định được người lấy điện thoại của B nên Nhân nói với chị Tr và chị K nếu không lấy thì để Nhân chở đi đổi chất, làm rõ nên chị Tr, chị K đồng ý. Lúc này H điều khiển xe mô tô hiệu Wave, biển số: 49T7-1203 chở chị K ngồi giữa, Long ngồi phía sau; còn Nhân điều khiển xe mô tô hiệu Exciter (chưa rõ biển số) chở chị Tr ngồi giữa, Bảo ngồi phía sau cùng đi. Khi đi thì H có gọi điện cho B nói là sẽ nhốt Tr và K lại và thả M ra thì B đồng ý. Trên đường đi, Long yêu cầu Tr và K cởi áo khoác trùm kín đầu, mục đích để chị Tr, K không nhận biết được địa điểm đến. Khi đến cách căn nhà đang nhốt chị M khoảng 01km thì Nhân, Bảo dừng xe lại giữ chị Tr đứng bên đường; còn H, Long chở chị K đến nhốt vào căn nhà không số như nêu ở trên. Tiếp đó, H, Long chở chị M ra khỏi căn nhà đến giao cho Nhân và Bảo đưa chị M về, rồi H và Long tiếp tục khống chế chở chị Tr đến nhốt chung với chị K và khóa cửa lại.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, sau khi nhận được cuộc gọi từ B yêu cầu H thả cho chị Tr về nên H dùng xe mô tô chở chị Tr đến công viên Long Bình thuộc phường Long Bình

để chị Tr tự đón xe về. Riêng chị K vẫn bị nhốt lại trong căn nhà trên, hàng ngày H đem đồ ăn, nước uống cho chị K một lần. Chị K nhiều lần xin H cho về nhưng H không chấp nhận do chưa có sự đồng ý của B. Khoảng 14 giờ ngày 05/10/2018, chị K thấy anh Dương Duy B đi ngang qua nên cầu cứu và nhờ anh B báo công an xã Phước Tân. Nhận được tin báo, công an xã Phước Tân phối hợp với Cơ quan điều tra công an TP. Biên Hòa phá khóa cửa căn nhà để giải cứu cho chị K.

Vật chứng được thu giữ trong vụ án của Đỗ Quốc H:

+ Xe mô tô có biển số giả 49T7-1203, số khung 01598, số máy 00001598 được H sử dụng vào việc thực hiện tội phạm. H khai mua xe của một người không rõ lai lịch với giá 1.000.000đ (một triệu đồng) nhưng không có giấy tờ đăng ký xe để làm phương tiện đi lại. Qua xác minh của Cơ quan điều tra thì xe mô tô nêu trên mang biển số 60Z1-4989 do anh Lâm Minh H đứng tên trên giấy đăng ký, anh H đã bán cho chiếc xe trên cho một người không rõ lai lịch vào năm 2011 với giá 3.000.000đ (ba triệu đồng).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Note 3, có số Imei 359796040409575/01 được sử dụng vào việc thực hiện tội phạm.

+ 01 (một) túi xách màu đen, 01 (một) ví da, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 4 có số Imei 013662008784433 và 1.210.000 (một triệu, hai trăm mười nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số: 158/CT-VKS-BH ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa đã truy tố các bị cáo Phạm Giang B và Đỗ Quốc H về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo các điểm d, đ khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Phạm Giang B và Đỗ Quốc H về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

+ Điểm d, đ khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo B từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Điểm d, đ khoản 2 Điều 157; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo H từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô có biển số giả 49T7-1203, số khung 01598, số máy 00001598 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Note 3, có số Imei 359796040409575/01 của bị cáo H được sử dụng vào việc thực hiện tội phạm. Giao trả lại cho bị cáo H 01 (một) túi xách màu đen, 01 (một) ví da và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 4 có số Imei 013662008784433 là tài sản không liên quan đến việc thực hiện tội phạm. Tiếp tục tạm giữ của bị cáo H số tiền 1.210.000 (một triệu, hai trăm mười nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo không phát biểu bào chữa cho mình và cũng không yêu cầu đưa thêm vật chứng, tài liệu khác ngoài những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án ra xem xét tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa:

Trong quá trình điều tra, truy tố thì Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo cũng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên nên các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo:

Từ khoảng 03 giờ ngày 01/10/2018 đến 14 giờ ngày 05/10/2018, do nghi ngờ các chị Hồng Tuyết M, Nguyễn Thị Bích Tr và Lý Thị Ngọc K lấy trộm tài sản của Phạm Giang B nên B đã cùng với Đỗ Quốc H, Long, Nhân và Bảo (chưa rõ lai lịch) đã có hành vi 02 (hai) lần khống chế để bắt, giữ trái pháp luật đối với các chị Hồng Tuyết M, Nguyễn Thị Bích Tr và Lý Thị Ngọc K. Cụ thể: chị M bị bắt, giữ từ khoảng 03 giờ cho đến 13 giờ ngày 01/10/2018; chị Tr bị bắt, giữ từ khoảng 10 giờ cho đến 20 giờ ngày 01/10/2018 và chị K bị bắt, giữ từ khoảng 10 giờ ngày 01/10/2018 cho đến 14 giờ ngày 05/10/2018.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Giang B và Đỗ Quốc H đã khai nhận hành vi thực hiện tội phạm của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của Bị hại, Người làm chứng và các chứng cứ khác được thể hiện tại hồ sơ vụ án; phù hợp với những nội dung mà bản Cáo trạng đã viện dẫn và truy tố.

Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Phạm Giang B và Đỗ Quốc H đã phạm vào tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” được quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền tự do thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương.

[3]. Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo:

Các bị cáo đều đã 02 (hai) lần thực hiện hành vi phạm tội và thực hiện hành vi phạm tội đối với 02 (hai) người trở lên nên các bị cáo còn phạm vào các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt được quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo B là người khởi xướng, chủ mưu và là người trực tiếp bắt, giữ trái pháp luật chị Hồng Tuyết M và cũng là người đồng ý cho bị cáo H và một số đối tượng khác bắt, giữ các chị Nguyễn Thị Bích Tr, Lý Thị Ngọc K, đồng thời sử dụng căn nhà thuộc quyền quản lý của mình để tạm giữ những Bị hại.

Bị cáo H là người trực tiếp bắt, giữ trái pháp luật các chị Nguyễn Thị Bích Tr, Lý Thị Ngọc K và là đồng phạm giúp sức cho bị cáo B bắt giữ chị Hồng Tuyết M.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo H đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo còn phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo B và gia đình đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho chị Lý Thị Ngọc K và được chị K làm đơn bãi nại; bản thân bị cáo cũng là lao động chính trong gia đình và

có 04 (bốn) con còn nhỏ là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6]. Về quyết định hình phạt:

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo; căn cứ vào nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thì cần có mức án thật nghiêm, tiếp tục cách ly ra khỏi xã hội một thời gian đối với các bị cáo mới thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[7]. Về các vấn đề khác:

- Đối với các đối tượng Long, Bảo và Nhân (chưa rõ lai lịch), Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, truy bắt để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc chị Hồng Tuyết M cho rằng bị B dùng nhục hình và lấy tài sản của chị; B không thừa nhận và hiện tại chị M đã bỏ đi đâu không rõ địa chỉ nên cơ quan điều tra chưa tiến hành đối chất làm rõ sự việc được. Vì vậy, cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ theo lời khai của chị M và sẽ xử lý sau.

- Đối với việc khi bắt giữ chị Lý Thị Ngọc K thì H đã lấy của chị K 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 (phía sau ốp lưng có số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng)), 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia; sau đó H đưa cho Long cất giữ nhằm mục đích không cho chị K liên lạc với bên ngoài và H không có mục đích chiếm đoạt tài sản của chị K. Ngày 11/10/2018, chị K đã được một nam giới (chưa rõ lai lịch) trả toàn bộ số tài sản nêu trên nên không có căn cứ xác định H có hành vi cướp tài sản. Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự về hành vi này của H là đúng theo quy định của pháp luật.

[8]. Về các biện pháp tư pháp:

- Đối với trách nhiệm bồi thường dân sự:

- + Chị Lý Thị Ngọc K đã được bị cáo B và gia đình bồi thường thiệt hại theo yêu cầu và cũng không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- + Chị Nguyễn Thị Bích Tr không có yêu cầu bồi thường nên cũng không đặt ra xem xét, giải quyết.

- + Chị Hồng Tuyết M hiện tại đi đâu không rõ địa chỉ nên cần giành quyền khởi kiện dân sự về phần bồi thường thiệt hại cho chị M nếu sau này chị M có yêu cầu.

- Đối với 01 (một) xe mô tô có biển số giả 49T7-1203, số khung 01598, số máy 00001598 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Note 3, có số Imei 359796040409575/01 của bị cáo H được sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) túi xách màu đen, 01 (một) ví da và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 4 có số Imei 013662008784433 là tài sản không liên quan đến việc thực hiện tội phạm, cần giao trả lại cho bị cáo H.

- Đối với số tiền 1.210.000đ (một triệu, hai trăm mười nghìn đồng) của bị cáo H, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9]. Về tiền án phí: các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[10]. Quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Phạm Giang B, Đỗ Quốc H phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

- Căn cứ vào điểm d, đ khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt: **Phạm Giang B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 14 tháng 01 năm 2019.**

- Căn cứ vào điểm d, đ khoản 2 Điều 157; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt: **Đỗ Quốc H 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 06 tháng 10 năm 2018.**

- Căn cứ vào Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô có biển số giả 49T7-1203, số khung 01598, số máy 00001598 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Note 3, có số Imei 359796040409575/01.

+ Trả lại cho bị cáo Đỗ Quốc H 01 (một) túi xách màu đen, 01 (một) ví da và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 4 có số Imei 013662008784433.

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.210.000đ (một triệu, hai trăm mười nghìn đồng) của bị cáo Đỗ Quốc H để đảm bảo thi hành án.

(Tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản và Biên lai thu tiền số 000393 ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa).

+ Án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo Phạm Giang B và Đỗ Quốc H mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

+ Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Công an TP. Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Tân